TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH TIỀN GIANG Bản án số: 572 /2017/HNGĐ-ST Ngày 15 - 9 - 2017 V/v **Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn**;

Các hội thẩm nhân dân:

+ Ông: **Mai Văn Bé**;

+ Bà : **Đặng Thụy Thùy Nga**;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông **Dương Thành Chương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lê Hoàng Lan Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 370/2017/TLST – HN ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc: "tranh chấp ly hôn và nuôi con "

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017 giữa:

- <u>Nguyên đơn</u>: Võ Thị Mộng T, sinh năm 1997**;** Địa chỉ: ấp Long T A, xã Long H , huyện CT, Tiền Giang.

- <u>Bị đơn:</u> Nguyễn Văn T, sinh năm 1995**;** Nơi cư trú: ấp Long T. A, xã Long H, huyện CT, Tiền Giang.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2017, Tờ tự khai cũng như trong quá trình giải quyết nguyên đơn Võ Thị Mộng T trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Văn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long H, huyện CT vào ngày 29/10/2015. Từ khi sống chung, anh chị sống hạnh phúc và có một con chung tên

Nguyễn Thị Minh T sinh ngày 30/3/2014. Đến cuối năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân do anh T thay đổi tính tình, không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cự cải, mâu thuẩn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Chị không thể sống chung với anh T được nên đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và cắt đứt quan hệ vợ chồng với anh T cho từ tháng 5/2016 cho đến nay. Thời gian ly thân đã lâu, chị và anh T không còn tình cảm nên chị làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Minh T sinh ngày 30/3/2014, hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung. Chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Võ Thị Mộng T trình bày, hiện tại chị đủ điều kiện nuôi con, chưa yêu cầu anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng.

***** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rỏ yêu cầu của nguyên đơn, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và Triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn T đến lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không có lý do và cũng không có tự khai trình bày ý kiến.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:**

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào quy định Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Mộng T; Giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, HĐXX, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng thủ tục tố tụng. Viện kiểm sát không có kiến nghị bổ sung thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Võ Thị Mộng T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T và yêu cầu được nuôi con. HĐXX (Hội đồng xét xử) xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con .

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Võ Thị Mộng T và anh Nguyễn Văn T sống chung có đăng ký kết hôn năm 2015 theo đúng quy định Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T không còn khả năng đoàn tụ. Bởi lẽ anh chị chung sống không hạnh phúc, chị T cho rằng anh T không lo làm ăn, ăn chơi không lo cho vợ con nên vợ chồng thường xuyên cự cải. Tòa án thu thập lời khai người làm chứng là cha mẹ ruột của anh T cũng khẳng định nguyên nhân mâu thuẩn là do anh T không lo làm ăn, tụ tập bạn bè ăn chơi. Gia đình đã động viên, hòa giải cho anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đoàn tụ được. Anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đã hơn 01 năm. Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng anh T không đến tham gia hòa giải. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa chị T và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Mộng T.

[4] ***Về nuôi con chung:*** chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Minh T sinh ngày 30/3/2014. Xét thấy cháu Minh T là con chung của chị T và anh T trong quá trình sống chung. Từ khi anh chị ly thân, cháu Minh T được chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay cuộc sống đã ổn định đảm bảo về vật chất và tinh thần. Hơn nữa, cha mẹ của anh T cũng xác định anh T không có việc làm ổn định, cháu Minh T cũng còn nhỏ và chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu cuộc sống đã ổn định nên giao con cho chị T nuôi dưỡng sẽ hợp lý hơn.

[5] ***Về cấp dưỡng:*** chị Võ Thị Mộng T đủ điều kiện nuôi con chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét thấy chị T làm công nhân, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. HĐXX không xem xét việc cấp dưỡng.

[6] ***Về tài sản chung, nợ chung***: các bên đương sự không có yêu cầu. HĐXX không xem xét.

[7] ***Về án phí:*** Chị Võ Thị Mộng T phải chịu án phí DSST trong vụ án ly hôn theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

<u>Áp dụng</u>: Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Xử: C**hấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Mộng T.**

- Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Mộng T ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Minh T cho chị Võ Thị Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không xem xét.

- Tài sản chung, Nợ chung: Không xem xét.

- Về án phí: Chị Võ Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Võ Thị Mộng T đã nộp theo biên lai thu số 26075 ngày 15/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Chị Võ Thị Mộng T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND.TG
- VKSND.huyện CT;
- Chi cục THADS. huyện CT;
- UBND xã Long H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Nhàn